



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**

**Ngày 30 tháng 06 năm 2020**

<b>1. Phần Nghị thức</b>		
▪ Tiếp đón khách mời, đại biểu và phát tài liệu	BTC	09:15 – 09:30
▪ Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự	Anh Thập	09:30 – 09:40
▪ Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội		
▪ Giới thiệu Đoàn Chủ tịch		
<b>2. Nội dung đại hội</b>		
▪ Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và Ban giám sát	Anh Cường	09:40 – 09:45
▪ Thông qua chương trình Đại hội		
▪ Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	Anh Dũng	09:45 – 09:50
▪ Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Năm 2019;	Chị Diệu	09:50 – 10:10
▪ Kế hoạch và giải pháp thực hiện kế hoạch Năm 2020;	Anh Lâm	10:00 – 10:10
▪ Báo cáo tình hình giám sát hoạt động của HĐQT; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động tài chính Năm 2019 của Ban Kiểm Soát	Anh Hải	10:10 – 10:20
▪ Tờ trình trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2019;	Anh Thập	10:20 – 10:25
▪ Tờ trình dự kiến trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2020;		
<b>3. Cổ đông thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội (đánh dấu phiếu biểu quyết)</b>	Cổ đông	10:25 – 10:45
<b>4. Phát biểu thảo luận và Giải đáp những thắc mắc của cổ đông</b>	Chủ tịch	
<b>5. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đại hội.</b>	Anh Dũng	10:45 – 10:50
<b>6. Thông qua biên bản Đại Hội</b>	Thư ký	10:50 – 10:55
<b>7. Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội</b>	Anh Cường	10:55– 11:00
<b>8. Bế mạc Đại hội</b>	Anh Thập	11:00

Tp.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2020

## **QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

### **TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP**

- Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT ngày 12/05/2020 về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP (gọi tắt là Tổng công ty);
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 kính trình Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc như sau:

#### **Điều 1. Mục tiêu**

- Đạt được sự đồng thuận cao nhất của cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra;
- Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và đoàn kết;
- Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

#### **Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội**

- ĐHĐCĐ thường niên được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.

#### **Điều 3. Trật tự của Đại hội**

- Cổ đông mặc trang phục chỉnh tề;
- Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp, không hút thuốc lá, sử dụng điện thoại di động lịch sự, tôn trọng văn hóa giao tiếp hòa nhã thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa đoàn.

#### **Điều 4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

- **Nguyên tắc:** Theo chỉ định của Chủ tịch đoàn cần lấy biểu quyết các vấn đề trong Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra.
- **Cách biểu quyết:** Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Với mỗi nội dung cần biểu quyết Cổ đông thống nhất ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết, cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến, trong lúc biểu quyết cổ đông ra ngoài được xem như đồng ý nội dung cần biểu quyết. Ngoài ra có một số nội dung cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, cổ đông đánh dấu vào một trong hai ô: ☐ đồng ý hoặc ☐ không đồng ý.

#### **Điều 5. Phát biểu ý kiến tại đại hội**

- **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội viết phiếu đăng ký phát biểu ghi rõ nội dung, thời lượng gửi về Ban Thư ký và chỉ khi được sự đồng ý của Chủ tọa đoàn mới được phát biểu.
- **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào nội dung đã đăng ký, thuộc phạm vi chương trình nghị sự của Đại hội. Chủ tọa đoàn tiếp thu và giải đáp; Chủ tọa đoàn có quyền đề nghị ngừng phát biểu nếu ý kiến cổ đông có ảnh hưởng xấu đến tiến trình Đại hội.





#### Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tọa đoàn:

- Chủ tọa đoàn gồm 01 người;
- Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số;
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

#### Điều 7. Trách nhiệm của Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu

- **Ban thư ký** gồm hai người do Chủ tọa đoàn giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa đoàn và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông; soạn thảo biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua tại Đại hội.
- **Ban thẩm tra tư cách cổ đông** gồm ba người giúp Đoàn chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông; báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- **Ban Kiểm phiếu** gồm ba người do Đoàn chủ tịch đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua có nhiệm vụ tổng hợp kết quả biểu quyết của Đại hội và thực hiện các công việc khác theo phân công của Đoàn chủ tịch.

#### Điều 8. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký của Đại hội ghi vào biên bản. Biên bản họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và phải được công bố thông tin theo đúng quy định.

#### Điều 9. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này gồm có 9 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông và các thành viên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *Huỳnh*



PHẠM PHÚ CƯỜNG





TP.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Tổng quan về tình hình thực tế**

- Năm 2019, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp với nhiều kịch bản khó lường về xung đột chính trị, chiến tranh thương mại, chủ nghĩa bảo hộ, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và EU, giữa Nhật Bản và Hàn Quốc,... tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực;
- Kinh tế toàn cầu suy giảm kéo theo nhu cầu tiêu thụ của các thị trường lớn suy giảm, nhu cầu nhập khẩu giảm gây khó khăn về đơn hàng và áp lực đơn giá cho doanh nghiệp.
- Các doanh nghiệp Dệt may Việt Nam đã và đang đối mặt với nhiều khó khăn do cạnh tranh từ các cường quốc dệt may như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh...
- Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới và trong nước không được thuận lợi đặc biệt là cuối năm 2019 đại dịch Covid-19 gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa của thế giới.

Với sự điều hành nhạy bén, quyết liệt và cơ chế hoạt động chủ động, linh hoạt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng sự sáng tạo, đoàn kết, thống nhất của toàn thể CB-CNV NBC là sức mạnh nội lực tổng hợp to lớn giúp NBC hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.

► Tổng kết năm 2019, Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 88,6 tỷ đồng.

**2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2019	TH 2019	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	25,898,000	24,013,759	93%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000	3,481,000	99%
3	Lãi gộp	"	148,000	151,518	102%
	- Khấu hao	"	60,000	62,873	105%
	- Lợi nhuận trước thuế	"	88,000	88,645	101%
	- Lợi nhuận sau thuế	"	74,000	72,041	97%
4	Đầu tư	"	41,609	49,884	120%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	"	744,897	698,299	94%
	- Kim ngạch NK tính đủ	"	111,433	80,423	72%
6	Lao động bình quân	Người	5,100	4,543	89%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	9,000	9,300	103%
	Trong đó : Tiền lương	"	8,000	7,600	95%



TT	Diễn giải	Đvt	KH 2019	TH 2019	% TH/KH
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182,000	182,000	100%
9	LNST/VĐL	%	40.66%	39.58%	97%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,066	3,958	97%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%-25%	25%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	55,000	57,554	105%

### 3. Những việc đã làm được trong năm 2019:

- **Công tác quản trị doanh nghiệp:**

- Tăng cường công tác quản lý điều hành, phân công nhiệm vụ, luân chuyển cán bộ, kiện toàn bộ máy quản lý các đơn vị trực thuộc và đơn vị thành viên.
- Tổ chức đánh giá, mở lớp huấn luyện đào tạo cho cán bộ chủ chốt.
- Thực hiện tiết giảm chi phí toàn diện, giao khoán các chỉ tiêu cho các đơn vị.
- Đảm bảo kiểm tra liên tục hệ, duy trì công tác đánh giá nội bộ về thống quản trị chất lượng, 5S, Lean, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường,...
- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất và quản lý vật tư hàng hóa.

- **Công tác Sản xuất :**

- Năm 2019, NBC tiếp tục triển khai và thực hiện mô hình sản xuất tinh gọn LEAN trên toàn hệ thống với mục tiêu thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khu 1 đạt năng suất lao động bình quân 718 USD/người/tháng là đơn vị dẫn đầu đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch giao khoán và được Ban Lãnh Đạo tuyên dương khen thưởng kịp thời.;
- Phòng FOB, ODM, Kinh Doanh Thị Trường đã nỗ lực tìm kiếm phát triển các đơn hàng để duy trì ổn định sản xuất, chấp nhận những đơn hàng khó, chất lượng cao; quy hoạch nguồn hàng sản xuất ổn định, phù hợp với quy mô và tình hình thực tế các đơn vị;
- Nhiều cải tiến và sáng kiến trong sản xuất đã góp phần tăng năng suất lao động.

- **Công tác đầu tư mở rộng:**

- Trong năm 2019, tổng giá trị đầu tư hơn 49 tỷ đồng;
- NBC tập trung đầu tư trang thiết bị, công nghệ sản xuất, xử lý nước thải, áp dụng hệ thống sản xuất hiện đại, để đảm bảo đạt năng suất theo kỳ vọng và chất lượng sản phẩm được nâng cao;
- Những khoản đầu tư của NBC đều mang tầm nhìn chiến lược dài hạn nên đã và đang góp phần gia tăng năng lực chuỗi sản xuất cung ứng và mạng lưới thị trường, khách hàng hiện có của NBC.

- **Công tác thị trường :**

- **Đối với thị trường nước ngoài:**
- Đã phát triển ổn định những nhà nhập khẩu lớn như: H&M, Arcadia, Primark, GrossoModa, BMB, Carmel, Canda, Generos, Motives, JP Global, Polaris,...
- Đã phát triển một số khách hàng tiềm năng như: Alison Hays, Republic, Zenze
- Tiếp cận và phát triển khách hàng từ thị trường lớn Trung Quốc, Hàn Quốc;
- Phát triển đơn hàng với khách hàng từ EU, đón đầu cho hiệp thương mại EU;
- Tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa hàng FOB ký trực tiếp và ODM



▪ **Đối với thị trường trong nước:**

- Tiếp tục phát triển bền vững thông qua việc liên tục nghiên cứu, phát triển kiểu dáng, mẫu mã và chủng loại nguyên phụ liệu phù hợp với nhu cầu và xu thế của thời trang trong nước;
- Tiếp tục mở rộng các kênh phân phối, tăng cường kỹ năng của nhân viên bán hàng ngày càng chuyên nghiệp góp phần vào việc đưa thương hiệu của các sản phẩm của Tổng Cty vào tâm trí người tiêu dùng trong nước ngày càng sâu rộng hơn

• **Công tác tài chính :**

- Cơ cấu lại việc sử dụng vốn vay tại các tổ chức tín dụng đạt được hiệu quả tối ưu nhất;
- Tái cơ cấu vốn đầu tư tại một số đơn vị để đạt hiệu quả cao hơn.
- Kiểm tra, kiểm soát công tác kế toán - tài chính, ngăn ngừa rủi ro, tiết giảm chi phí hợp lý trên cơ sở đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của các đơn vị trong toàn hệ thống.
- Duy trì tốt công tác hoàn thuế trong năm 2019 góp phần giảm vốn vay lưu động.

• **Công tác chăm lo đời sống cho Cán bộ Công nhân viên :**

- Chính sách lương thưởng của Tổng công ty được áp dụng theo nguyên tắc: gắn tiền lương với chất lượng, năng suất, và hiệu quả làm việc của mỗi người. Bên cạnh đó Tổng công ty luôn chú trọng hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và phúc lợi của người lao động;
- Tổng công ty luôn quan tâm đến việc cải thiện đời sống vật chất cho CBCNV như: thực hiện thưởng lương tháng 13 mức bình quân 17,4tr đồng/người tăng 5,5% so với năm 2018
- Tổ chức đối thoại, giải thích, tuyên truyền cho CBCNV về các chủ trương, chính sách lớn của nhà nước, của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc tạo sự đồng thuận trong toàn thể CBCNV;
- NBC luôn chú trọng tới công tác chăm lo đời sống cho người lao động như: tạo môi trường làm việc tốt để người lao động yên tâm công tác, cải thiện bữa ăn giữa ca cho người lao động, tổ chức ăn bồi dưỡng cho người lao động lâu năm có sức khỏe kém, tặng quà các ngày lễ, Tết, hỗ trợ cho người lao động bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình thương, ...

• **Một số công việc lớn khác đã thực hiện được :**

- Ngày hội gia đình NBC được tổ chức vào ngày 02/01/2020 với chủ đề **“Bình An và Hạnh Phúc”** và lễ phát động phong trào thi đua năm 2020 với thông điệp “Sáng tạo – Phát triển” diễn ra trong không khí sôi nổi, vui tươi, ấm áp với sự tham gia của toàn thể CB-CNV. Đây là chương trình thường niên của NBC nhằm động viên CB-CNV hăng say lao động sản xuất, thắt chặt tình đoàn kết trong tập thể gần 30.000 người;
- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, NBC luôn luôn quan tâm và hưởng ứng tích cực các hoạt động xã hội từ thiện hướng về cộng đồng: hỗ trợ xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ sửa chữa mái ấm công đoàn; phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng; thăm và tặng quà cho các hộ gia đình khó khăn, trại trẻ mồ côi trao, tặng học bổng chấp cánh ước mơ, học bổng cho trẻ em nghèo, gia đình khó khăn... Đồng hành



cùng Tổng Công ty còn có các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh Niên, Công Đoàn...cũng có những hoạt động thiết thực chăm lo tốt đời sống cho người lao động

#### 4. Kết luận:

Để có được kết quả sản xuất kinh doanh thành công, đồng thời gia tăng giá trị Tổng công ty trên các mặt như uy tín đối với khách hàng, đối tác, các cấp chính quyền; uy tín với các tổ chức tín dụng. Đó là nhờ vào sự đồng thuận của Ban lãnh đạo Tổng Công ty; sự kiên trì, nỗ lực phấn đấu, nhiệt huyết trong lao động; sự tìm tòi, sáng tạo không ngừng nâng cao hiệu quả và đặc biệt là sự đoàn kết gắn bó của đội ngũ CB-CNV trong toàn Tổng Công ty.

Bên cạnh những quyết tâm và năng lực, chương trình hành động của Ban lãnh đạo và toàn thể CB – CNV còn phải kể đến vai trò quan trọng của các cổ đông, đối tác và khách hàng. Chính sự đồng thuận, đồng hành và tiếp sức của các quý vị là nền tảng vững chắc để NBC không ngừng phát triển và hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHCĐ giao.

Cuối cùng xin kính chúc sức khỏe Quý cổ đông;

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



PHẠM PHÚ CƯỜNG



*TP.HCM, ngày 15 tháng 6 năm 2020*

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH & GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**A. Kế hoạch và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020:**

**1. Nhận định chung tình hình**

- Với tình hình đại dịch COVID-19 bùng phát ngay từ những ngày đầu năm 2020 tại Thành phố Vũ Hán (Trung Quốc), sau đó lan rộng đến tất cả các quốc gia trên toàn cầu đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế và xã hội toàn cầu.
- Trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, việc sụt giảm các hoạt động thương mại trong đó có thị trường Dệt May thế giới và trong nước là không thể tránh khỏi, đây là cuộc khủng hoảng tồi tệ nhất từ trước đến nay.
- Ngay từ đầu tháng 02/2020 ngành dệt may bị khủng hoảng thiếu nguồn nguyên phụ liệu đầu vào chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc do toàn bộ các nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành may bị đóng cửa từ trước Tết nguyên đán dẫn đến việc sản xuất ngành dệt may tại Việt Nam sau khi nghỉ Tết bị tê liệt trên 50% do thiếu hụt nghiêm trọng đầu vào.
- Giữa tháng 03/2020 thì tình hình dịch bệnh đã lan rộng đến các quốc gia Châu Âu, Châu Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... đây là thị trường xuất khẩu chính của Dệt may Việt Nam, tiếp tục thị trường xuất khẩu bị đóng băng do toàn bộ các nhãn hàng bán sỉ, lẻ toàn cầu đóng cửa vô thời hạn.
- Có thể nói chưa bao giờ nền kinh tế thế giới lại rơi vào cuộc khủng hoảng kép tồi tệ như thời điểm hiện nay. Điều này đã tác động rất nghiêm trọng đến toàn bộ sản xuất ngành dệt may Việt Nam vì tình hình thị trường ngày càng khó khăn và rất khó dự báo trong dài hạn.
- Trước những tê liệt về nhu cầu mặt hàng thời trang truyền thống thì song song đó thị trường lại phát sinh rất lớn nhu cầu mới về các mặt hàng liên quan đến dụng cụ y tế như khẩu trang, đồ bảo hộ y tế...
- Tình hình diễn biến dịch bệnh đến thời điểm này chưa có một kế hoạch nào kiểm soát triệt để từ các nước vừa là thị trường lớn nhưng cũng vừa là các ổ dịch lớn nhất, do vậy thời gian 6 tháng cuối năm 2020 và Quý I năm 2021 thì các mặt hàng thời trang truyền thống cũng sẽ tiếp tục gặp khó khăn do các nhà nhập khẩu sẽ hạn chế tối đa việc nhập hàng mới, chỉ tập trung giải quyết hàng tồn kho đã nhập từ đầu năm nhưng chưa tiêu thụ được.
- Tình hình lao động sản xuất ngành dệt may sẽ tiếp tục ở trạng thái khủng hoảng thừa do có nhiều nhà máy trên cả nước đóng cửa hoặc giảm qui mô sản xuất... do thiếu hụt nguồn hàng.





## 2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2020
1	Doanh thu CM	USD	20.500.000
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	2.700.000
3	Lợi nhuận trước thuế	"	50.000
4	Đầu tư	"	15.000
5	Kim ngạch XK tính đủ	1000USD	650.000
6	Kim ngạch NK tính đủ	"	70.000
6	Lao động bình quân	Người	4.200
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	8,500
8	Nộp ngân sách	Tr.đ	55.000

## 3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020

❖ **Mục tiêu phấn đấu: Cả năm 2020 NSLĐ: 700 USD/người/tháng (tại TPHCM) và từ 400- 500 USD/người/tháng (các tỉnh).** Để thực hiện được mục tiêu trên cần có những giải pháp cơ bản:

### ❖ Công tác thị trường

- Theo dõi sát sao tình hình thị trường để kịp thời cơ cấu tỉ lệ chủng loại hàng hóa phù hợp đúng những nhu cầu cần thiết nhất của thị trường ở trạng thái bình thường mới của nền kinh tế thế giới.

- Cân đối qui hoạch năng lực để ổn định mặt hàng khẩu trang vải tại một số đơn vị mới ở Tỉnh nhằm thay thế các mặt hàng truyền thống thông qua đó qui hoạch mặt hàng truyền thống tại các đơn vị TP.HCM và một số đơn vị có thể mạnh về mặt hàng truyền thống. Qua đó nâng cao hiệu quả tốt nhất của kế hoạch sản xuất khẩu trang và các mặt hàng truyền thống.

- Đẩy mạnh phát triển các nhà nhập khẩu tại các thị trường lớn có thể mạnh về kênh bán hàng online như: Walmart, Target, Zara, Mango, Express, C&A, Tomy Hifilger, Costco...

- Tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường; đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh nhằm tận dụng các cơ hội chiếm lĩnh thị trường; hạn chế rủi ro và đảm bảo phát triển bền vững.

### ❖ Công tác đầu tư, công nghệ & sản xuất:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất kinh doanh, nhanh chóng triển khai đồng bộ các giải pháp để thiết kế và sản xuất các sản phẩm mới nhằm khai thác có hiệu quả các thiết bị hiện có, chiếm lĩnh thị trường và nâng cao giá trị gia tăng.

- Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa thao tác công nhân ở các công đoạn khó nhằm loại trừ yếu tố phụ thuộc vào lao động có tay nghề cũng như đảm bảo được ổn định về chất lượng và năng suất.

- Nghiên cứu đầu tư các thiết bị mang tính tự động thông qua các công cụ như rập cứng, cử cải tiến chứ không qua tự động sẵn có của thiết bị từ khâu nghiên cứu mẫu đến sản xuất đại trà nhằm giảm tối đa chi phí đầu tư, đem lại hiệu quả đồng bộ về sản xuất, chất lượng và năng suất.

- Tiếp tục duy trì và đảm bảo có hiệu quả tại Nhà máy may: Hậu Giang, Đức Linh, Sóc Trăng đồng thời tiếp tục chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất của HDQT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.



#### ❖ Nguồn nhân lực:

- Đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt ưu tiên phát triển cán bộ có trình độ từ CB-CNV thuộc hệ thống NBC phục vụ cho việc liên tục bổ sung vào nguồn nhân lực cán bộ chủ chốt của toàn hệ thống hiện tại và kế hoạch lâu dài trong tương lai.

- Lập kế hoạch gửi các cán bộ có năng lực và có khả năng phát triển từ phòng ban và đơn vị sản xuất đến các đơn vị mạnh trong ngành có quan hệ tốt với Tổng công ty để học tập và trao đổi kinh nghiệm cùng hợp tác và ứng dụng kiến thức mới trong hoạt động của Tổng Công ty.

- Tiếp tục tuyển dụng các chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm, nhạy bén trong công tác thị trường, sáng tạo kỹ thuật, thiết kế... các kỹ sư giỏi để đào tạo, phát triển và ưu tiên những nhân tố có trình độ, chịu học hỏi và sáng tạo nhằm đưa những công nghệ mới, hiệu quả áp dụng vào sản xuất của toàn hệ thống.

#### ❖ Công tác tài chính

- Tăng cường quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị thành viên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát tốt nguồn vốn lưu động đồng thời vận dụng nhạy bén và cân đối vay ngoại tệ với lãi suất tốt nhất.

- Sử dụng và xử lý tốt thông tin thị trường tài chính, lãi suất, ngoại hối, cơ cấu lại việc sử dụng vốn vay tại các tổ chức tín dụng và sử dụng các đòn bẩy tài chính để đạt hiệu quả cao.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát để ngăn ngừa rủi ro, tiết giảm chi phí hợp lý trên cơ sở đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả.

- Tiếp tục giao khoán các chỉ tiêu cho các đơn vị, Phòng kế toán kiểm tra giám sát chặt chẽ các khoản chi phí khoán, khống chế chỉ được phép chi trong mức khoán.

- Duy trì tốt công tác hoàn thuế trong năm 2020 để giảm vốn vay lưu động.

#### ❖ Công tác nội địa và xây dựng thương hiệu:

- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và marketing, chú trọng xây dựng và phát triển chuỗi đại lý bán hàng rộng khắp cả nước để chiếm lĩnh thị trường, mở rộng thị phần đối với các sản phẩm.

- Đẩy mạnh tập trung sản xuất hàng trong nước và cố gắng chiếm lĩnh thị trường nội địa, mở rộng kênh phân phối, bán hàng online, đưa sản phẩm vào các trung tâm thương mại lớn; chọn lọc và thanh lý các đại lý không đảm bảo yêu cầu.

- Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tạo sự kiện nhằm xây dựng quảng bá hình ảnh, thương hiệu NBC, hòa chung với cả nước trong phong trào “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

- Tiếp tục xây dựng ngân hàng dữ liệu khách hàng nhằm lưu trữ thông tin khách hàng, để có kế hoạch xây dựng mối quan hệ với những khách hàng truyền thống; chăm sóc, hậu mãi, ưu đãi khách hàng một cách cụ thể và hiệu quả hơn.

#### ❖ Công tác chăm lo đời sống người lao động

- Xây dựng và phát triển đội ngũ CB – CNV trong toàn Tổng Công ty để mọi người toàn tâm toàn ý phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời đảm bảo thu nhập cho người lao động phù hợp với mặt bằng chung thông qua các chương trình:

+ Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động bằng nhiều hình thức và nội dung thiết thực nhằm tạo bầu không khí làm việc sôi nổi, có động viên tinh thần cao để mọi người cùng tham gia sản xuất, đóng góp vào sự phát triển chung của Tổng công ty.

+ Đảm bảo thu nhập và các chế độ phúc lợi phù hợp cho toàn thể CB-CNV nhằm ứng phó tốt tình hình diễn dịch bệnh ngày càng phức tạp và khó khăn trong năm 2020.



**Kết luận:**

Năm 2020 với dự báo tình hình kinh tế trong nước và thế giới đang ở trạng thái rất khó khăn, sự sụp đổ của các thị trường dệt may lớn không biết xảy ra bất cứ lúc nào, sự cạnh tranh ngành nghề trong khu vực. Năm 2020 là năm mà nền kinh tế trong và ngoài nước đứng trước những thách thức chưa từng có tiền lệ mà tất cả chúng ta phải đối mặt.

Hội đồng quản trị vẫn tin rằng, với tinh thần trách nhiệm, sự quyết liệt trong công tác quản trị và điều hành, cùng sự nỗ lực sáng tạo của từng cán bộ, từng người lao động trong toàn hệ thống, sự tin tưởng đồng hành của quý khách hàng và cổ đông. NBC nhất định sẽ vượt qua những thách thức mới, khó khăn mới và sẽ vẫn duy trì được sự tăng trưởng và phát triển bền vững.

Cuối cùng Kính chúc các Quý cổ đông mạnh khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH** *Haiz*



**PHẠM PHÚ CƯỜNG**





**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính thưa toàn thể Đại hội

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm Soát Tổng Công ty May Nhà Bè;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam thực hiện; Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng Công ty May Nhà Bè với những nội dung chính như sau:

**PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

***I. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:***

- Ông Phan Văn Hải - Trưởng BKS
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo - Thành viên BKS
- Bà Phạm Thị Thanh Phương - Thành viên BKS

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với Điều lệ, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan sát với tình hình thực tế hoạt động và phát huy hiệu quả công tác của Ban kiểm soát.

***II. Hoạt động của Ban kiểm soát***

***1. Thẩm tra Báo cáo tài chính và giám sát công tác hạch toán***

- Công tác hạch toán và lập Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tuân thủ theo Luật kế toán; Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi; bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, áp dụng một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam;
- Xem xét Báo cáo tài chính định kỳ do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, thẩm tra việc hạch toán ghi nhận doanh thu, phân bổ chi phí, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý công nợ và tình hình trích lập các khoản dự phòng theo quy định;
- Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty. Thẩm định Báo cáo tài chính năm trước và sau kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời xem xét ý kiến của kiểm toán viên;



## 2. Phối hợp và giám sát tình hình hoạt động HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc:

- HĐQT, Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý và điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo Quy định của Điều lệ Cty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua;
- Chủ tịch HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo Quy định của pháp luật và theo Điều lệ của công ty
- Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của Tổng Công ty để HĐQT nắm rõ tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo cần thiết. HĐQT giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban TGD đặc biệt trong công tác tổ chức, quản lý điều hành, xúc tiến đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa rủi ro, hạn chế tối đa chi phí phát sinh.
- Trưởng BKS – Thư ký của HĐQT – đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng Giám Đốc; đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Trong năm 2019, Tổng Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Không phát sinh hợp đồng giao kết cũng như xung đột lợi ích với những người có liên quan.

## PHẦN II

### KẾT QUẢ GIÁM SÁT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

#### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ

TT	Diễn giải	Đvt	KH 2019	TH 2019	% TH/KH
1	Doanh thu CM	USD	25,898,000	24,013,759	93%
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,500,000	3,481,000	99%
3	Lãi gộp	“	148,000	151,518	102%
	- Khấu hao	“	60,000	62,873	105%
	- Lợi nhuận trước thuế	“	88,000	88,645	101%
	- Lợi nhuận sau thuế	“	74,000	72,041	97%
4	Đầu tư	“	41,609	49,884	120%
5	Kim ngạch xuất nhập khẩu	1000USD			
	- Kim ngạch XK tính đủ	“	744,897	698,299	94%
	- Kim ngạch NK tính đủ	“	111,433	80,423	72%
6	Lao động bình quân	Người	5,100	4,543	89%
7	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	9,000	9,300	103%
	Trong đó : Tiền lương	“	8,000	7,600	95%



TT	Diễn giải	Đvt	KH 2019	TH 2019	% TH/KH
8	Vốn điều lệ	Tr.đ	182,000	182,000	100%
9	LNST/VĐL	%	40.66%	39.58%	97%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	4,066	3,958	97%
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20%-25%	25%	100%
12	Nộp ngân sách	Tr.đ	55,000	57,554	105%

## 2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Tổng công ty

### ❖ Nhận xét

- BKS nhất trí với Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2019. Các giải pháp quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc thể hiện sự quyết tâm cao, linh hoạt trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD, đảm bảo lợi ích cho cổ công và người lao động cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng công ty.
- Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam
- Nhất trí với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam. Đồng ý với ý kiến của kiểm toán: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

### ❖ Một số chỉ tiêu tài chính tại Báo cáo tài chính được lập ngày 31/12/2019

- Tóm tắt một số chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu Hợp nhất	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
<b>TÀI SẢN</b>				
A. Tài sản ngắn hạn	1.810.205	1.898.066	2.232.528	2.221.241
B. Tài sản dài hạn	554.468	597.860	1.037.735	1.148.703
<b>Cộng Tài sản</b>	<b>2.364.673</b>	<b>2.495.926</b>	<b>3.270.264</b>	<b>3.369.944</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
A. Nợ phải trả	2.016.071	2.157.013	2.867.037	2.940.336
B. Vốn chủ sở hữu	348.602	338.913	403.227	429.608
<b>Cộng Nguồn vốn</b>	<b>2.364.673</b>	<b>2.495.926</b>	<b>3.270.264</b>	<b>3.369.944</b>



▪ **Tóm tắt một số chỉ tiêu Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu Hợp nhất	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp d.vụ	3.418.374	3.581.022	4.835.012	4.897.068
2. LN gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	709.316	721.687	947.344	974.979
3. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	78.300	82.972	76.082	95.242
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.645	89.678	96.064	99.624
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	72.041	73.820	60.529	67.940

❖ **Đánh giá chung:**

- Sổ sách chứng từ được ghi chép và lưu trữ đầy đủ, phản ánh kịp thời tình hình hoạt động thực tế của đơn vị;
- Đơn vị thường xuyên tiến hành kiểm kê kho, tài sản của Tổng Công ty nhằm quản lý và kiểm soát chặt chẽ hơn;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo hợp nhất năm 2019 được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán và xác nhận tính trung thực và hợp lệ của các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Ban kiểm soát chưa thấy phản ánh cần lưu ý;
- Nhận xét về các số liệu trong báo cáo tổng kết của Chủ tịch HĐQT: là đúng với số liệu trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

**PHẦN III**

**NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BKS NĂM 2019**

**1. Nhận xét, đánh giá hoạt động**

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty May Nhà Bè quy định và những điều khoản ghi trong Luật doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các nhà đầu tư đã tin tưởng giao cho, nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả; cũng như thực hiện tốt các nội dung BKS đã xây dựng và trình bày trước ĐHCĐ thường niên năm 2019.
- Kết quả hoạt động của BKS trong năm 2019 có sự nỗ lực của bản thân mỗi thành viên và cũng nhờ sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban TGD, các phòng ban, toàn thể CB.CNV Tổng Công ty May Nhà Bè;
- Thay mặt BKS, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, hỗ trợ và tạo điều kiện của ĐHCĐ, HĐQT, Ban TGD Tổng Công ty đã giúp BKS hoàn thành tốt công việc.



## **2. Một số kiến nghị**

Ngòai những thành quả đạt được trong năm 2019 của Tổng công ty, BKS kiến nghị một số vấn đề đối với Ban TGD:

- ✓ Cần làm tốt hơn nữa công tác đánh giá hàng tồn kho để xử lý những vật tư hàng hóa không cần dùng hoặc tồn lâu năm để thu hồi vốn nhanh, tiến tới giảm lượng hàng tồn kho mức tối đa và giảm áp lực vay ngân hàng; Tỷ lệ giá trị Hàng tồn kho là 30,24% trên Tổng tài sản đối với Công ty Mẹ và 28,27% đối với Hợp nhất; Và BKS nhấn mạnh tới giá trị Hàng tồn kho ở chỉ tiêu “Bán thành phẩm dở dang”.
- ✓ Chú trọng việc đẩy mạnh công tác thu hồi nợ của khách hàng đến hạn;

## **PHẦN IV**

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

- ✓ Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị 6 tháng và năm 2020. Lập báo của BKS trình ĐHCĐ thường niên năm 2020;
- ✓ Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- ✓ Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.

Ban kiểm soát hết sức tin tưởng vào năng lực quản trị, xây dựng và phát triển Tổng công ty của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể CBCNV.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của BKS trong năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 BKS xin báo cáo trước ĐHCĐ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Cuối cùng xin gửi tới Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN /**



**Phan Văn Hải**



TP, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2020

**TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN  
TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2019**

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè –CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 19/05/2018.
- Căn cứ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam, nay HĐQT trình ĐHĐCĐ phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

**Đvt: VNĐ**

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	3,480,500,731,018
2	Tổng chi phí	3,391,856,013,285
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	88,644,717,733
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16,604,197,291
5	Lợi nhuận sau thuế	72,040,520,442
6	Các khoản trừ trước khi phân phối	5,324,956,674
7	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	57,026,483,271
	- Quỹ khen thưởng: 8%	5,763,241,635
	- Quỹ phúc lợi: 5%	3,602,026,022
	- Trích thưởng HĐQT và BKS: 3%	2,161,215,613
	- Chia cổ tức: 25%	45,500,000,000
8	Lợi nhuận sau khi trích lập quỹ	9,689,080,497
9	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	89,702,402,437

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**PHẠM PHÚ CƯỜNG**



TP, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2020

**TỜ TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN  
TRÍCH LẬP QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2020**

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP thông qua ngày 22/01/2005 và được sửa đổi bổ sung ngày 19/05/2018;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của HĐQT, nay HĐQT trình ĐHĐCĐ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

**Đvt: VNĐ**

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	2,700,000,000,000
2	Tổng chi phí	2,650,000,000,000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50,000,000,000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,600,000,000
5	Lợi nhuận sau thuế	42,400,000,000
6	Dự kiến Các khoản trừ trước khi phân phối (chia HTKD, nộp thuế bổ sung,...)	
7	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	
	- Quỹ đầu tư phát triển: 10%	4,240,000,000
	- Quỹ khen thưởng: 10%	4,240,000,000
	- Quỹ phúc lợi: 5%	2,120,000,000
	- Thưởng HĐQT và BKS: 3%	1,272,000,000
	- Dự kiến chia cổ tức: 10% - 15%	27,300,000,000
8	Lợi nhuận sau khi trích lập Quỹ	3,228,000,000
9	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	92,930,402,437

Kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**PHẠM PHÚ CƯỜNG**



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.810.205.250.028</b>	<b>1.898.066.586.770</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>135.232.552.354</b>	<b>186.336.871.446</b>
1. Tiền	111		123.900.658.544	112.336.871.446
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.331.893.810	74.000.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>925.923.587.407</b>	<b>896.187.548.021</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	784.760.809.684	752.908.623.229
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.109.424.212	79.506.278.054
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	63.053.353.511	63.772.646.738
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>715.250.480.270</b>	<b>755.793.277.631</b>
1. Hàng tồn kho	141		715.536.982.169	758.472.453.950
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(286.501.899)	(2.679.176.319)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.798.629.997</b>	<b>59.748.889.672</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	12.869.076.655	12.098.334.859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.198.126.292	45.887.162.291
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.6	1.731.427.050	1.763.392.522
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>554.468.408.693</b>	<b>597.860.136.488</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.337.895.751</b>	<b>23.392.481.961</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	22.337.895.751	23.392.481.961
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>255.310.693.247</b>	<b>275.667.158.269</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	235.200.492.260	254.495.262.020
- Nguyên giá	222		762.141.690.317	737.988.924.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(526.941.198.057)	(483.493.662.249)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	20.110.200.987	21.171.896.249
- Nguyên giá	228		45.907.418.863	42.517.700.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.797.217.876)	(21.345.803.783)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.243.981.313</b>	<b>1.220.806.728</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	12.243.981.313	1.220.806.728
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>228.061.350.933</b>	<b>257.458.937.476</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	97.385.268.520	139.535.268.520
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	106.716.920.657	84.216.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.10	33.706.748.299	33.706.748.299
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.10	(10.413.478.943)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		665.892.400	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>36.514.487.449</b>	<b>40.120.752.054</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	36.514.487.449	40.120.752.054
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.364.673.658.721</b>	<b>2.495.926.723.258</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>2.016.071.358.571</b>	<b>2.157.013.503.605</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.933.053.144.893</b>	<b>2.066.430.794.038</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	386.658.633.474	345.499.611.390
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.748.447.946	10.178.541.526
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	8.884.339.104	6.841.248.517
4. Phải trả người lao động	314		120.784.670.827	141.428.086.567
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	27.193.049.674	28.733.732.765
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	36.717.604.107	23.145.281.738
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	18.902.527.080	15.468.037.348
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.291.804.039.450	1.475.022.665.226
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		23.359.833.231	20.113.588.961
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>83.018.213.678</b>	<b>90.582.709.567</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	479.366.454	1.464.192.588
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13	25.267.014.292	25.029.723.468
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	2.108.500.000	3.885.580.092
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.15	55.163.332.932	60.203.213.419
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>348.602.300.150</b>	<b>338.913.219.653</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>348.602.300.150</b>	<b>338.913.219.653</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.202.402.437	125.513.321.940
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		80.013.321.940	63.504.214.438
- LNST chưa phân phối kì này	421b		55.189.080.497	62.009.107.502
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.364.673.658.721</b>	<b>2.495.926.723.258</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân





**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 năm 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	3.437.543.371.489	3.603.967.188.954
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	19.169.757.387	22.944.734.318
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	3.418.373.614.102	3.581.022.454.636
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	2.709.057.513.406	2.859.335.498.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		709.316.100.696	721.686.955.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	47.908.497.994	64.941.051.413
7. Chi phí tài chính	22	5.20	85.909.539.405	99.002.645.580
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		56.404.781.548	45.027.616.446
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	320.073.741.737	337.058.571.723
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	272.941.245.453	267.594.364.976
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		78.300.072.095	82.972.424.824
11. Thu nhập khác	31	5.23	14.218.618.922	7.847.032.006
12. Chi phí khác	32	5.23	3.873.973.284	1.140.983.033
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		10.344.645.638	6.706.048.973
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		88.644.717.733	89.678.473.797
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	16.604.197.291	15.858.107.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		72.040.520.442	73.820.366.076

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng



Nguyễn Ngọc Lân



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	88.644.717.733	89.678.473.797
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	62.873.537.085	60.101.748.961
- Các khoản dự phòng	3	8.020.804.523	(40.668.033.769)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	769.943.415	(1.731.987.334)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(31.563.021.437)	(28.892.248.095)
- Chi phí lãi vay	6	56.404.781.548	45.027.616.446
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	185.150.762.867	123.515.570.006
- Biến động các khoản phải thu	9	(2.184.175.369)	(96.905.434.303)
- Biến động hàng tồn kho	10	42.935.471.781	(40.210.989.892)
- Biến động các khoản phải trả	11	43.997.051.698	116.754.951.950
- Biến động chi phí trả trước	12	2.835.522.809	1.172.141.383
- Tiền lãi vay đã trả	14	(56.404.781.548)	(45.027.616.446)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.912.322.497)	(16.020.718.796)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.605.195.675)	(9.613.313.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	184.812.334.066	33.664.589.904
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(54.028.842.295)	(54.000.179.444)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.514.151.224	8.471.598.658
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.550.000.000)	(29.765.820.066)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.200.000.000	20.202.686.169
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.537.465.860	27.510.734.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.993.117.611)	(27.580.980.584)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.047.157.287.660	3.537.852.938.732
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.235.404.714.730)	(3.417.072.462.549)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.500.000.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(233.747.427.070)	75.280.476.183
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(51.928.210.615)	81.364.085.503
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	186.336.871.446	103.977.942.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	823.891.523	994.843.785
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	135.232.552.354	186.336.871.446

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Võ Nguyễn Thùy Dung

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.232.528.360.398</b>	<b>2.221.240.575.601</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>283.695.607.662</b>	<b>296.834.889.495</b>
1. Tiền	111		246.541.333.039	159.613.700.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.154.274.623	137.221.188.531
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.607.920.548</b>	<b>1.900.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(120.000.000)	(100.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	5.727.920.548	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>953.669.569.436</b>	<b>889.390.701.638</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	818.200.226.532	783.124.337.764
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		71.626.153.323	70.003.032.716
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	58.694.097.715	36.462.071.432
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(422.084.222)	(130.429.595)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		71.176.088	(68.310.679)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>924.420.807.303</b>	<b>939.159.871.848</b>
1. Hàng tồn kho	141		925.332.900.549	942.804.145.585
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(912.093.246)	(3.644.273.737)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>63.134.455.449</b>	<b>93.955.112.620</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	19.187.186.992	17.544.994.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.329.891.736	67.766.502.655
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	10.617.376.721	8.643.615.215
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.037.735.340.606</b>	<b>1.148.703.496.139</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.337.895.751</b>	<b>49.139.244.043</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	10.337.895.751	49.139.244.043
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>801.660.973.178</b>	<b>844.647.480.950</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	772.084.727.318	813.592.774.704
- Nguyên giá	222		1.692.100.837.116	1.632.549.020.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(920.016.109.798)	(818.956.246.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	29.576.245.860	31.054.706.246
- Nguyên giá	228		57.510.105.125	54.120.386.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.933.859.265)	(23.065.680.048)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>34.542.394.334</b>	<b>29.324.123.866</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	34.542.394.334	29.324.123.866
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>87.683.535.929</b>	<b>102.259.242.143</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	50.310.895.230	67.552.493.844
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.12	35.706.748.299	33.706.748.299
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.3	1.665.892.400	1.000.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>103.510.541.414</b>	<b>123.333.405.137</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	103.510.541.414	123.333.405.137
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>3.270.263.701.004</b>	<b>3.369.944.071.740</b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

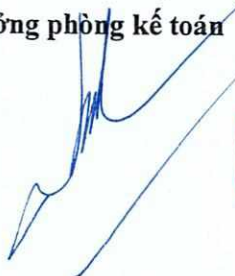
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>2.867.036.564.237</b>	<b>2.940.336.012.593</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.594.295.669.711</b>	<b>2.578.322.775.643</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	417.858.957.845	387.510.297.666
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81.360.161.374	46.859.503.201
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	28.621.247.805	30.238.270.324
4. Phải trả người lao động	314		306.921.335.894	294.337.867.771
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	29.781.504.898	32.574.322.776
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		36.717.604.107	23.145.281.738
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	75.694.003.817	47.720.003.478
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	1.584.225.609.030	1.686.630.411.604
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		33.115.244.941	29.306.817.085
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>272.740.894.526</b>	<b>362.013.236.950</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	479.366.454	1.464.192.588
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		787.708.926	17.705.531.814
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		25.267.014.292	25.029.723.468
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.108.500.000	3.885.580.092
5. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	239.607.429.408	312.781.285.391
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.490.875.446	1.146.923.597
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>403.227.136.767</b>	<b>429.608.059.147</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>403.227.136.767</b>	<b>429.608.059.147</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		47.957.741.796	46.389.848.609
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.291.747.100	86.602.875.905
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		27.945.470.711	27.455.756.137
- LNST chưa phân phối kì này	421b		37.346.276.389	59.147.119.768
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		107.977.647.871	114.615.334.633
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>3.270.263.701.004</b>	<b>3.369.944.071.740</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



**Đặng Minh Tuyền**

**Mai Văn Hoàng Dũng**

**Nguyễn Ngọc Lân**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	4.854.399.345.731	4.920.114.575.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	19.387.532.472	23.046.464.706
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	4.835.011.813.259	4.897.068.110.528
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	3.887.667.665.327	3.922.088.664.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		947.344.147.932	974.979.445.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	36.760.089.692	52.454.526.534
7. Chi phí tài chính	22	5.22	111.461.502.673	142.733.598.099
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.460.030.999	82.579.825.304
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.517.613.808)	5.734.617.984
9. Chi phí bán hàng	25	5.23	354.918.197.350	365.159.481.165
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	433.124.951.335	430.032.720.236
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25+26)}	30		76.081.972.458	95.242.790.556
12. Thu nhập khác	31	5.25	32.967.189.751	25.538.462.797
13. Chi phí khác	32	5.25	12.985.268.281	21.156.686.965
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	19.981.921.470	4.381.775.832
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		96.063.893.928	99.624.566.388
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32.191.284.094	32.161.845.542
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.343.951.849	(478.044.468)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		60.528.657.985	67.940.765.314
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		48.872.759.660	59.147.119.768
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.655.898.325	8.793.645.546
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	2.052	2.601

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2020

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc





Đặng Minh Tuyền

Mai Văn Hoàng Dũng

Nguyễn Ngọc Lân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	96.063.893.928	99.624.566.388
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	126.444.133.541	123.263.498.003
- Các khoản dự phòng	03	(2.420.525.864)	(40.398.117.407)
- Lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	445.332.691	(764.225.457)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.786.206.242)	(34.111.969.071)
- Chi phí lãi vay	06	89.460.030.999	82.579.825.304
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	290.206.659.053	230.193.577.760
- Biến động các khoản phải thu	09	20.854.018.148	(113.874.488.409)
- Biến động hàng tồn kho	10	17.654.550.571	(48.812.755.501)
- Biến động các khoản phải trả	11	90.610.138.458	217.047.979.054
- Biến động chi phí trả trước	12	18.180.671.481	(15.214.627.562)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(92.320.082.438)	(80.952.144.102)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.281.811.180)	(29.668.983.415)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	24.360.000	23.384.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.258.829.681)	(19.464.612.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	294.669.674.412	139.277.329.550
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(99.617.721.133)	(121.608.836.426)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	7.508.148.515	8.991.999.930
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.893.812.948)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(33.015.820.066)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.651.949.915	20.202.686.169
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.527.593.861	11.719.955.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(80.823.841.790)	(113.710.015.097)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	12.865.200.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.939.596.620.931	4.247.396.950.519
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.127.755.794.673)	(4.134.469.199.440)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(52.584.722.833)	(71.451.673.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(227.878.696.575)	41.476.077.964
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(14.032.863.953)	67.043.392.417
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	296.834.889.495	228.713.854.868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	893.582.120	1.077.642.210
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	283.695.607.662	296.834.889.495

Người lập

Đặng Minh Tuyên

Trưởng phòng kế toán

Mai Văn Hoàng Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2020



Nguyễn Ngọc Lân